

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 53/2023/HSST

Ngày: 26/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Hồng Minh**

Thẩm phán: Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Ngọc Đăng**

Ông **Nguyễn Mạnh Long**

Ông **Nguyễn Phi Hùng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Na**- Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Hải Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2023/TLST-HS ngày 20/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HS ngày 30/5/2023, đối với bị cáo:

Phạm Trịnh Sanh H, sinh ngày 19/4/1993 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKTT và chỗ ở: 400/11 Đ.B.P, tổ 7, phường Đ, quận T, TP Đà Nẵng; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/ 12; Nghề nghiệp: Nhân viên tư vấn bảo hiểm; Con ông: Phạm N (s) và bà Trịnh Thị Mộng B (s); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 2; Chưa có chồng.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/6/2023. Có mặt tại phiên tòa.

-Người bào chữa cho bị cáo Phạm Trịnh Sanh H:

1. Ông Trần Xuân V, Luật sư Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: 31 K, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng- là người bào chữa theo yêu cầu của tòa án. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Lê V, Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên G, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: 30 Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng-

là người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt.

- **Bị hại:** Vợ chồng ông Thái Văn B, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: 31 M, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại ông Thái Văn B và bà Nguyễn Thị Kim T: ông Nguyễn Phú C- Luật sư văn phòng luật sư Minh Chánh thuộc đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng TMCP V, chi nhánh Đà Nẵng, phòng giao dịch K; Địa chỉ: 137 P, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Anh Thái Hoài B, sinh năm 1999; Địa chỉ: 31 M, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Lê Đình H, sinh năm 1992; Địa chỉ: 14 Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Phạm Ngọc V, sinh năm 1992; Địa chỉ: K123/104 C.C.L, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

5. Ông Hà Minh C, sinh năm 1962; Địa chỉ: 23/18 N.C.L, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

6. Ông Phạm N, sinh năm 1961; Địa chỉ: Tổ 7, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

7. Bà Lê Minh Hồng C, sinh năm 1979; Địa chỉ: 181/1 T.T.V, phường Đ, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

8. Anh Phạm Đức Quốc H, sinh năm 1993; Địa chỉ: 332 P.Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989; Địa chỉ: 83/1 H.N.T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

10. Chị Đặng Thị K, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ 27, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

11. Anh Lưu Quang H, sinh năm 1988; Địa chỉ 47 T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

12. Chị Đặng Thị Phương T, sinh năm 1997; Địa chỉ: K43/2/3 C.C.L, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

13. Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1998; Địa chỉ: 34 Mỹ Khê 2, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

14. Ngân hàng TMCP K Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng; Địa chỉ: 24 P, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

15. Công ty TNHH Bảo hiểm H Việt Nam; Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Fideco, 81-85 N, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt

16. Chị Võ Thị Bích L, sinh năm 1985; Địa chỉ: 42 T, phường H quận T, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

17. Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: 24 P, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

18. Anh Phạm Bá A, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 34 phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Trịnh Sanh H là nhân viên tư vấn bảo hiểm nhân thọ thuộc Công ty TNHH Bảo hiểm H Việt Nam. Khoảng tháng 02 năm 2020, thông qua công việc, H quen biết với vợ chồng ông Thái Văn B và bà Nguyễn Thị Kim T. Trong thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 10/2020, H đưa thông tin gian dối về việc có khả năng xin vào học tại trường sĩ quan quân đội, công ty bảo hiểm nhận góp vốn và chia lãi suất cao... làm cho vợ chồng ông B, bà T tin tưởng và nhiều lần đưa tiền cho H, H đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Lần 1: Khoảng tháng 4/2020, H biết thông tin con trai của ông B đang thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Tiểu đoàn 3 đơn vị 575, ngành thông tin, nên H nói với vợ chồng ông B có người quen làm trong quân đội, có thể xin cho con ông B đi học tại trường Sĩ quan, chi phí để lo công việc khoảng 200.000.000 đồng. Tin lời nói của H, ngày 09/4/2020, vợ chồng ông B đã đưa cho H số tiền 118.000.000 đồng. Ngày 29/4/2020, H tiếp tục nhận của vợ chồng ông B số tiền 90.000.000 đồng. H viết giấy nhận tiền và cam kết nếu không xin đi học được sẽ trả lại tiền, nhưng H không thực hiện cam kết. Số tiền chiếm đoạt, H sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Lần 2: Khoảng tháng 7/2020, H nói với vợ chồng ông B đầu tư vốn vào công ty TNHH Bảo hiểm H sẽ nhận được lãi suất 4%/tháng. Tin lời nói của H, vợ chồng ông B đã vay vốn tại ngân hàng V Đà Nẵng để đưa cho H số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 15/7/2020, H viết giấy nhận tiền của ông B với nội dung để hỗ trợ vợ chồng ông B trong công việc. H trả lãi cho ông B 03 tháng với số tiền 31.800.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt, H sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Lần 3: Sau khi vợ chồng ông B làm thủ tục vay tiền tại ngân hàng V Đà Nẵng để đưa tiền cho H góp vốn vào công ty bảo hiểm nêu trên, H nói ông B và bà T mở 02 thẻ tín dụng tại ngân hàng này (hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng/thẻ), để hàng tháng H chuyển

tiền lãi từ việc góp vốn đầu tư vào tài khoản cho vợ chồng ông B. Tin lời H, vợ chồng ông B cùng H đến ngân hàng V để làm 02 thẻ tín dụng, thẻ tín dụng đứng tên ông Thái Văn B (số tài khoản thẻ 90144245001), thẻ tín dụng đứng tên bà Nguyễn Thị Kim T (số tài khoản thẻ 90157032001) và giao cho H. Sau khi nhận thẻ, H đã sử dụng hết hạn mức 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) trong hai thẻ để tiêu xài cá nhân.

Lần 4: Vào khoảng tháng 10/2020, H nói với vợ chồng ông B cần tiền để giao tiếp xin việc cho cháu Thái Hoài B, do không có tiền nên ông B đã đem xe máy Future biển số 43H1-20435 (thuộc sở hữu của ông B) cầm cố tại tiệm cầm đồ Đ, số 442 V, TP Đà Nẵng vay 14.000.000 đồng rồi đưa số tiền này cho H. H chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Lần 5: Vài ngày sau khi ông B cầm cố xe máy, H gặp ông B nói đưa giấy cầm xe và tiền để H lấy xe về giúp, sau khi lấy xe từ hiệu cầm đồ, H không đưa xe cho ông B mà bán cho người khác (không xác định được lai lịch, địa chỉ) lấy tiền tiêu xài. Xe máy không thu hồi được.

Tại bản kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng kết luận: chiếc xe máy Future biển số 43H1-20435 trị giá 27.270.000 đồng (Hai B triệu hai trăm B mươi ngàn đồng).

Tổng trị giá tài sản Phạm Trịnh Sanh H đã chiếm đoạt của vợ chồng ông Thái Văn B là 589.270.000 đồng (năm trăm tám chín triệu hai trăm B mươi ngàn đồng).

Vật chứng tạm giữ:

- 01 giấy nhận tiền ghi ngày 09/4/2020, ngày 29/4/2020 và ngày 15/7/2020.
- 01 giấy cam kết ghi ngày 20/10/2020.

* Tại bản Kết luận giám định số 48/GĐ-TL ngày 10/5/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an TP Đà Nẵng kết luận:

+ Chữ viết có nội dung “Phạm Trịnh Sanh H” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và A2 (Giấy nhận tiền ngày 09/4/2020, ngày 29/4/2020 và ngày 15/ 7/ 2020 ký hiệu A1; Giấy cam kết ký hiệu A2) so với chữ viết cùng nội dung của Phạm Trịnh Sanh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 và M2 do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký mực màu đen mang tên Phạm Trịnh Sanh H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Phạm Trịnh Sanh H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 do cùng một người ký ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận các chữ viết, chữ ký mang tên Phạm Trịnh Sanh H còn lại trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với chữ ký, chữ viết của Phạm Trịnh Sanh H trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M3 có phải do cùng một người viết và ký ra hay không.

Bản Cáo trạng số 48/CT-VKSĐN-P2 ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Phạm Trịnh Sanh H về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b,n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo từ 09 đến 10 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại là ông Thái Văn B và bà Nguyễn Thị Kim T theo quy định pháp luật.

Về tang vật: Các tang vật tạm giữ nêu trên đã được thống kê theo hồ sơ vụ án, nên không đề cập xử lý.

Quan điểm của Luật sư Nguyễn Lê V- bào chữa bảo vệ quyền lợi cho bị cáo: Thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật đã truy tố, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo. Do bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ và 01 tình tiết tăng nặng nên đề nghị HĐXX xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS cho bị cáo được hưởng mức án dưới thấp dưới mức thấp nhất của Viện kiểm sát đề nghị.

Quan điểm của luật sư Nguyễn Phú C – người bào vệ quyền lợi cho vợ chồng ông Thái Văn B và bà Nguyễn Thị Kim T: thống nhất với nội dung bản Cáo trạng truy tố bị cáo Phạm Trịnh Sanh H, luật sư đề nghị HĐXX buộc bị cáo H trả lại cho vợ chồng ông B- bà T số tiền đã chiếm đoạt là 589.270.000đ.

Vợ chồng ông B và bà T yêu cầu bị cáo H trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 589.270.000đ.

Bị cáo Phạm Trịnh Sanh H đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên trong quá trình điều tra, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Trịnh Sanh H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình là trong khoảng thời gian từ tháng 04/2020 đến tháng 10/2020, bị cáo đưa ra nhiều

thông tin gian dối về việc có mối quan hệ quen biết có khả năng xin suất học ở trường sỹ quan quân đội, công ty bảo hiểm H huy động vốn lãi suất cao...làm cho vợ chồng ông Thái Văn B, bà Nguyễn Thị Kim T tưởng thật nhiều lần đưa tiền cho H để nhờ xin cho con đi học và góp vốn vào công ty bảo hiểm để hưởng lợi và H đã chiếm đoạt tổng số tiền 589.270.000đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt, H sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Trịnh Sanh H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sựnhư Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ.

[3]Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, mặc dù biết mình không có khả năng xin suất học ở trường sỹ quan quân đội,cũng như đưa ra thông tin Công ty bảo hiểm H huy động vốn lãi suất cao để lừa ông B và bà T xin cho con đi học và góp vốn vào công ty bảo hiểm, sau đó chiếm đoạt tiền 589.270.000đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, HĐXX thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên là cần xử lý thật nghiêm khắc, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo được cải tạo, giáo dục trở thành người công dân tốt.

[4]Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tuy bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng trong thời gian đó bị cáo có công việc là nhân viên tư vấn bảo hiểm và có thu nhập, bị cáo không lấy kết quả của việc chiếm đoạt đó làm nguồn sống chính nên không phải chịu tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, mà bị cáo phải chịu tình tiết *phạm tội 02 lần trở lên* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5]Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tác động cha ruột là ông Phạm N nộp thay bị cáo số tiền 40.000.000đồng để khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại; Sau khi phạm tội, đến năm 2022 bị cáo xuất trình các phiếu siêu âm mang thai đôi;Khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Bị cáo có ông nội là Phạm Em tham gia kháng chiến được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất.Bị cáo bị bệnh trầm cảm phải điều trị;Có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội. Vì vậy, HĐXX thấy đề nghị của Kiểm sát viên và luật sư Vũ tại phiên tòa là áp dụng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình cho bị cáo là có cơ sở nên chấp nhận.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên HĐXX thống nhất quan điểm của Luật sư và Kiểm sát viên là căn cứ khoản 1 Điều 54 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình.

[6] Xét đề nghị của luật sư Nguyễn Lê V về việc căn cứ bản kết luận điều tra thì bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 42.800.000đ trong giai đoạn điều tra nhưng không có gì chứng minh, người bị hại cũng không thừa nhận. Do đó HĐXX không chấp nhận đề nghị này.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, luật sư Nguyễn Phú Cường và vợ chồng ông Thái Văn B yêu cầu HĐXX buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 589.270.000đ. Xét yêu cầu này là chính đáng, phù hợp với Điều 48 BLHS; Điều 589 BLDS nên chấp nhận. Gia đình bị cáo H đã nộp được 40.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000095 ngày 26/5/2023 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 549.270.000 đồng.

[7] Xử lý vật chứng: Hiện nay Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ số tiền 40.000.000đồng (theo Biên lai thu số 0000095 ngày 26/5/2023), số tiền này do ông Phạm N là ba ruột của bị cáo Phạm Trinh Sanh H nộp để khắc phục bớt một phần hậu quả do bị cáo gây ra. Số tiền này được tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án theo qui định tại Điều 106 BLTTHS.

[8] Những vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Ngoài ra, khoảng đầu tháng 02/2020, H tư vấn cho ông Thái Văn B mua hợp đồng bảo hiểm của Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm nhân thọ H Việt Nam, ông B đã giao cho H số tiền 23.192.000 đồng để đóng phí bảo hiểm năm, H viết phiếu thu tiền giao cho ông B. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, H chỉ đóng tiền bảo hiểm 01 quý là 8.192.000 đồng và lấy 15.000.000 đồng chi tiêu cá nhân. Một thời gian sau, công ty bảo hiểm thông báo cho ông B về việc không nộp đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận, ông B đã khiếu nại và cung cấp chứng từ thu tiền đến công ty và được công ty giải quyết bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Cơ quan CSĐT có công văn yêu cầu Công ty TNHH Bảo hiểm H phối hợp làm việc để làm rõ vấn đề này nhưng đến nay công ty không có văn bản phản hồi và cũng không cung cấp tài liệu liên quan, nên Cơ quan Điều tra không có đủ căn cứ để kết luận.

Đối với các ông bà có liên quan trong vụ án: Lê Minh Hồng C, Phạm Đức Quốc H, Nguyễn Văn D, Đặng Thị K, Lưu Quang H, Đặng Thị Phương T... nhận chuyển khoản từ Phạm Trinh Sanh H, những người này không biết H dùng tiền chiếm đoạt để chuyển khoản trả nợ cho mình đồng thời họ đã sử dụng hết số tiền này, nên Cơ quan Điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

[9] Về án phí: Căn cứ vào Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 25.970.800 đồng án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Trịnh Sanh H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Trịnh Sanh H 10 (mười) năm tù.** Thời gian chấp hành án kể từ ngày bắt tạm giam 06/6/2023.

2. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 589 BLDS;

Buộc Phạm Trịnh Sanh H phải bồi thường cho bị hại là ông Thái Văn B và bà Nguyễn Thị Kim T số tiền: 589.270.000 đồng. Gia đình bị cáo đã nộp tiền bồi thường 40.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng (theo Biên lai thu số 0000095 ngày 26/5/2023). Bị cáo còn tiếp tục phải bồi thường 549.270.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 BLHS; Điều 106 BLTTHS;

Tuyên tiếp tục tạm giữ số tiền 40.000.000 đồng (theo Biên lai thu số 0000095 ngày 26/5/2023) của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, để đảm bảo cho việc thi hành án. Số tiền này được trả lại cho vợ chồng ông Thái Văn B và bà Nguyễn Thị Kim T.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 25.970.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho bị cáo, bị hại, người liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV- CATPĐN;
- PC 47 - CQCSĐT CA TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS – Công an TP Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Dương Thị Hồng Minh

